

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương đánh giá thực trạng và xây dựng phương án phát triển kinh tế tổng hợp, phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng; tổng thể phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; các cân đối vĩ mô của nền kinh tế; phát triển kinh tế biển; các hành lang kinh tế của tỉnh; đánh giá và định hướng khai thác tiềm năng và lợi thế đặc thù, nổi trội của tỉnh Bình Thuận cho phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3084/TTr-SKHDT-KH ngày 08 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương đánh giá thực trạng và xây dựng phương án phát triển kinh tế tổng hợp, phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng; tổng thể phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; các cân đối vĩ mô của nền kinh tế; phát triển kinh tế biển; các hành lang kinh tế của tỉnh; đánh giá và định hướng khai thác tiềm năng và lợi thế đặc thù, nổi trội của tỉnh Bình Thuận cho phát triển kinh tế, xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Kèm theo Đề cương nội dung chi tiết*).

Điều 2. Căn cứ vào Đề cương được phê duyệt nêu trên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, cùng các đơn vị, cơ quan có liên quan theo chức năng và phạm vi trách nhiệm được giao, tổ chức và chỉ đạo việc triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PVP.UBND tỉnh;
- Các phòng: Kinh tế, ĐTQH XD, KGVXNV;
- Lưu: VT, TH Hùng (02)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban

Nhân dân tỉnh

Bình Thuận

Ngày ký: _____

04.08.2020

08:11:48 +07:00

Lương Văn Hải

NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

Thực trạng và xây dựng phương án phát triển kinh tế tổng hợp, phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng; tổng thể phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; các cân đối vĩ mô của nền kinh tế; phát triển kinh tế biển; các hành lang kinh tế của tỉnh; đánh giá và định hướng khai thác tiềm năng và lợi thế đặc thù, nổi trội của tỉnh cho phát triển kinh tế, xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1774 /QĐ-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Khái quát chung về diễn biến, xu hướng phát triển của cả nước, vùng và các địa phương khác liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2020:

- Các xu hướng phát triển, các luồng đầu tư nước ngoài.
- Khái quát chung về các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực mà Việt Nam tham gia và tác động đến kinh tế của tỉnh: AFTA, APEC, WTO.
- Lộ trình cắt giảm thuế các sản phẩm hàng hoá của Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm liên quan đến tình tác động đến sản xuất, xuất nhập khẩu trong tương lai, đặc biệt trong trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc.
- Diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế cả nước có liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của tỉnh.

2. Những thuận lợi và khó khăn đối với tỉnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực thời gian qua:

- Phân tích, đánh giá những thuận lợi của tỉnh trong phát triển kinh tế thời gian qua: tiếp cận với thị trường thế giới, có điều kiện phát triển xuất khẩu, giải quyết việc làm; được hưởng một số ưu đãi trong buôn bán quốc tế; tạo điều kiện cải cách luật lệ, thủ tục hành chính hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; tạo điều kiện nâng cao năng lực quản lý; tạo điều kiện đổi mới công nghệ, thiết bị, phát triển khoa học kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá kinh tế của tỉnh,...

- Phân tích, đánh giá những khó khăn của tỉnh trong phát triển kinh tế thời gian qua: Môi trường kinh tế vĩ mô, thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn

chính; thủ tục hành chính còn phức tạp; trình độ quản lý doanh nghiệp, sức cạnh tranh yếu; cơ sở hạ tầng chưa tương xứng; kỹ thuật và công nghệ chưa đáp ứng được đòi hỏi của thị trường; trình độ văn hoá và kỹ thuật của lực lượng lao động chưa đáp ứng được trong môi trường cạnh tranh hoà nhập; tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh,...

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Thực trạng phát triển kinh tế và các cân đối vĩ mô nền kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 – 2030:

a) Tăng trưởng và phát triển kinh tế:

- Tăng trưởng: Tăng trưởng kinh tế chung; tăng trưởng các ngành kinh tế,...

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Theo ngành (cấp 2), trong đó đặc biệt chú ý cơ cấu ngành công nghiệp chế biến chế tạo, cơ cấu các ngành dịch vụ; theo lãnh thổ (giữa các huyện, thị, giữa khu vực thành thị và nông thôn); theo các thành phần kinh tế (đặc biệt là khu vực ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài),...

- Các cân đối vĩ mô của nền kinh tế: Quan hệ giữa tăng trưởng và đầu tư (tổng đầu tư xã hội); quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng; cân đối ngân sách nhà nước tỉnh, đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh; huy động nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; diễn biến giá cả, lạm phát; cán cân thương mại; xuất, nhập khẩu,...

b) Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu một số ngành, lĩnh vực cơ bản:

- Công nghiệp.

- Nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản).

- Dịch vụ (đặc biệt là thương mại, du lịch và vận tải),...

c) Phát triển kinh tế biển:

- Quy mô, giá trị sản xuất các sản phẩm từ kinh tế biển.

- Các sản phẩm kinh tế biển chủ yếu: Nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ biển.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế biển.

- Lao động trong các ngành kinh tế biển.

- Bảo vệ môi trường ven biển, đảo.

- Thể chế, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển.

2. Thực trạng phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng, sự phù hợp, hiệu quả của các vùng kinh tế của tỉnh, tập trung vào các vùng:

- Vùng kinh tế động lực (Gồm thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam và huyện đảo Phú Quý) với vai trò là phát triển đô thị, trung tâm du lịch chất lượng cao, phát triển cảng nước sâu và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất lúa, thanh long, khai thác và chế biến hải sản và là trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và hậu cần cho quần đảo Trường Sa..., trong đó, thành phố Phan Thiết vừa là đô thị du lịch, đô thị trung tâm toàn vùng và là hạt nhân vùng động lực.

- Vùng kinh tế phía Tây Nam (Gồm thị xã La Gi và huyện Hàm Tân) với vai trò là vùng phát triển năng động thứ 2 của tỉnh Bình Thuận với phát triển công nghiệp tập trung, hình thành các trung tâm dịch vụ, thương mại và đô thị hạt nhân là thị xã La Gi.

- Vùng kinh tế La Ngà (Gồm huyện Tánh Linh và Đức Linh, đô thị hạt nhân là thị trấn Võ Xu) với vai trò là vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao chủ yếu phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa, cao su, điều và phát triển du lịch sinh thái rừng, hồ, thác.

- Vùng kinh tế phía Đông Bắc (Gồm huyện Bắc Bình và huyện Tuy Phong, thị xã Phan Rí Cửa là đô thị trung tâm vùng Đông Bắc) với vai trò là vùng phát triển công nghiệp điện năng (nhiệt điện, phong điện), công nghiệp khai khoáng và phát triển du lịch biển, du lịch văn hóa lịch sử.

b) Phân tích, đánh giá thực trạng liên kết vùng:

- Đánh giá, nhận định những ưu điểm trong thực hiện liên kết vùng tỉnh thời gian qua.

- Đánh giá, nhận định những khó khăn hạn chế trong thực hiện liên kết vùng tỉnh, nguyên nhân và những vấn đề rút ra cho thời kỳ quy hoạch.

3. Thực trạng phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, các hành lang kinh tế của tỉnh:

- Thực trạng bố trí không gian sản xuất nông nghiệp.

- Thực trạng bố trí không gian sản xuất công nghiệp.

- Thực trạng bố trí không gian các hoạt động dịch vụ (vận tải, logistic, du lịch, thương mại, xuất, nhập khẩu...)

- Thực trạng tổ chức các hành lang kinh tế trong tỉnh, kết nối với các hành lang kinh tế vùng và cả nước.

III. PHÂN TÍCH, DỰ BÁO CÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ ĐẶC THÙ CỦA TỈNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỂ PHÁT HUY LỢI THẾ, KHẮC PHỤC HẠN CHẾ CỦA TỈNH

1. Dự báo các tiềm năng, lợi thế đặc thù của tỉnh thời kỳ quy

hoạch:

- Dự báo khả năng khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh (công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, du lịch, cảng biển, các dự án lớn trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đã và sẽ hoàn thành đi vào hoạt động; phát triển hạ tầng sân bay, hoạt động xuất nhập khẩu...).

- Dự báo khả năng khai thác tiềm năng về vị trí địa lý, đất đai, các nguồn tài nguyên (khoáng sản, du lịch,...) cho phát triển của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

2. Các vấn đề đặt ra để phát huy lợi thế, khắc phục hạn chế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch:

- Biện pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện thể chế chính sách (đơn giản hoá các thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp về đào tạo, cung cấp thông tin, cải cách tài chính ngân hàng, áp dụng kỹ thuật và phát triển công nghệ mới,...) và các biện pháp khác để tăng thu hút các nguồn FDI, ODA.

- Thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xuất khẩu, tăng trưởng nhanh và giải quyết nhiều việc làm.

- Phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát triển xã hội công bằng và bền vững khắc phục các tiêu cực xã hội trong điều kiện hội nhập.

- Các biện pháp phòng vệ (các hàng rào kỹ thuật) cần thiết để đảm bảo phát triển sản xuất kinh doanh trong tỉnh và đảm bảo quan hệ ngoại thương và đầu tư nước ngoài...

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**1. Quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh thời kỳ quy hoạch:**

a) Luận chứng các quan điểm phát triển kinh tế của tỉnh.

b) Luận chứng các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, các cân đối vĩ mô của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

- Các mục tiêu phát triển kinh tế: Quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), GRDP bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu, thu NSNN trên địa bàn, huy động vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ quy hoạch, đóng góp và tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)...

- Các cân đối vĩ mô của nền kinh tế: Tiết kiệm và đầu tư (tổng đầu tư xã hội); tích lũy và tiêu dùng; cân đối ngân sách nhà nước tỉnh, đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh; huy động nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; ổn định giá cả, lạm phát; cán cân thương mại; xuất, nhập khẩu,...

2. Định hướng phân vùng kinh tế của tỉnh và liên kết vùng:

- Xây dựng phương án phân vùng kinh tế trên địa bàn đảm bảo hiệu quả về sử dụng không gian và tạo mối liên kết, thúc đẩy phát triển vùng.

- Phương án liên kết nội vùng và liên kết giữa các vùng trong tỉnh, với các địa phương khác và cả nước.

3. Định hướng phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:

- Định hướng tổ chức không gian các hoạt động kinh tế.

- Định hướng tổ chức không gian các hoạt động xã hội.

- Tổng hợp định hướng tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội.

4. Định hướng phát triển kinh tế biển:

- Định hướng phát triển các ngành kinh tế biển: nông nghiệp; đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản; công nghiệp; dịch vụ.

- Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế biển.

- Định hướng bảo vệ môi trường ven biển, hải đảo.

5. Định hướng phát triển các hành lang kinh tế của tỉnh:

- Định hướng tổ chức các hoạt động kinh tế theo các hành lang.

- Định hướng kết nối các hành lang kinh tế của tỉnh với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, với các hành lang kinh tế trong vùng Duyên hải miền Trung, vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Tiêu chí xác định các dự án ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế tổng thể của tỉnh.

- Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế tổng thể của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về nguồn lực.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ.

4. Giải pháp về tổ chức thực hiện./.